

Ở thời điểm hiện tại, vĩ mô thế giới đã hé lộ một số tín hiệu tích cực ban đầu về giá dầu, khi đã giảm hơn 10% từ đỉnh, đặc biệt ghi nhận sự giảm nhanh sau kỳ họp OPEC+ cam kết sẽ gia tăng sản lượng trong tháng 07-08/22. Bên cạnh, nền kinh tế Trung Quốc bước đầu đang cho thấy dấu hiệu hồi phục trong tháng 06/22 thông qua các số liệu về XNK, logistics, PMI, ISM... Tuy nhiên vẫn còn khá sớm để có cái nhìn lạc quan về hai biến số này. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng số liệu kinh tế Mỹ và mức tăng lãi suất được công bố trong kỳ họp Fed tháng 7 tới đây sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến thị trường thế giới cũng như Việt Nam.

Các nhà điều hành trong nước có những động thái hỗ trợ kiểm soát lạm phát, duy trì lãi suất điều hành và lãi suất cho vay trên thị trường 1, cũng như ổn định tỷ giá. Vì vậy, chúng tôi cho rằng trong ngắn hạn (tháng 7/22) các biến số vĩ mô này vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể

Dự thảo Giao dịch T+2 chứng minh nỗ lực của cơ quan chủ quản trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của thị trường trong dài hạn. Trong thực tế, NĐT sẽ có lợi hơn về thời gian giao dịch và chi phí margin. Tuy nhiên trong ngắn hạn khó có thể đánh giá được hiệu quả của dự thảo này, đặc biệt trong bối cảnh thị trường vừa trải qua đợt điều chỉnh mạnh, tâm lý nhà đầu tư cá nhân vẫn còn nhiều e ngại như hiện tại.

Theo phân tích của Rông Việt, KQKD các nhóm ngành trong Q2-Q3/22 sẽ tập trung nhiều từ trung lập cho đến tích cực. Tuy nhiên, chúng tôi cũng cho rằng giá cổ phiếu đa phần cũng đã phản ánh những kỳ vọng tích cực từ thị trường. Riêng có ngành Ngân Hàng kỳ vọng sẽ tạo được sắc xanh cho thị trường từ triển vọng KQKD tích cực Q2.-Q3 trong khi giá đã chiết khấu khá nhiều tính từ đầu năm

Tháng Bảy, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ biến động trong vùng 1.180 – 1.250 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, khi giá dầu tăng mạnh trở lại, đồng thời tăng trưởng kinh tế Mỹ xác nhận đi vào “suy thoái kỹ thuật”, chỉ số VN-INDEX có thể diễn biến xấu hơn so với mức kỳ vọng của chúng tôi. Chiến lược đầu tư mang tính phòng thủ cao vẫn được khuyến nghị cho tháng Bảy.



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Trần Kỳ Anh

anh.tk@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

Trần Ngọc Thảo Trang

trang.tnt@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 6 2022: KIỂM ĐỊNH LẠI ĐÁY THÁNG NĂM.....	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7: KỶ VỌNG SIDEWAY.....	8
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG BẢY.....	11
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM.....	17

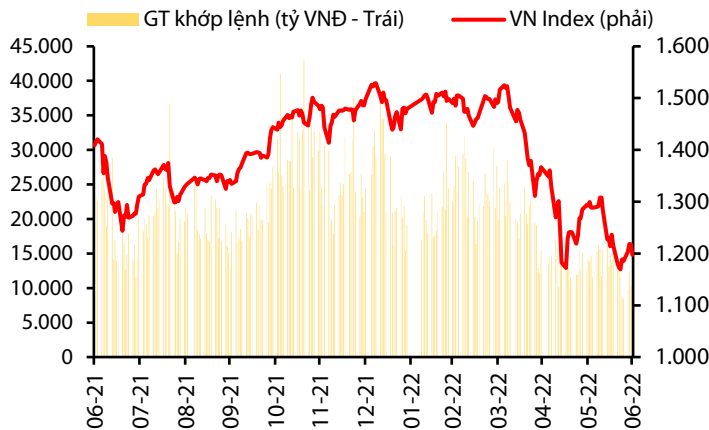
53 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 6 2022: KIỂM ĐỊNH LẠI ĐÁY THÁNG NĂM

Đà phục hồi của thị trường từ giữa tháng Năm có dấu hiệu chững lại do thị trường phản ứng với động thái của FED tăng +75 BPS lãi suất cơ bản trong kì họp FOMC, so với mức dự kiến +50 BPS khi lạm phát tiếp tục vượt kỳ vọng. Chỉ số VN Index hầu như chỉ đi ngang trong 10 ngày đầu tiên tháng 06/2022, trước khi có đợt điều chỉnh mạnh cùng thị trường chứng khoán thế giới, về lại mức đáy của tháng trước 1.162,09 điểm. Tuy nhiên, chỉ số đã có sự phục hồi nhẹ để kết thúc tháng ở mức 1.197,60 điểm, 7,4% so với cuối tháng trước. Các chỉ số HNX Index và UPCoM cũng ghi nhận mức giảm -12,1% và -6,9% trong tháng vừa qua

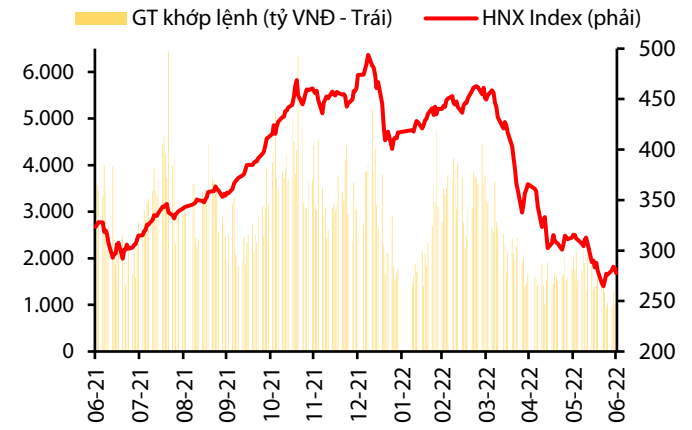
So sánh với các thị trường chứng khoán Mỹ và các nước trong khu vực, mức điều chỉnh của VN Index trong tháng 06/2022 ghi nhận ở mức trung bình đơn cử như S&P 500 (-8,4%), SET (-5,7%), KOSPI (-13,2%), NIKKEI (-3,3%).

Hình 1: Chỉ số VN Index, tháng 6/2021 – tháng 6/2022



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 2: Chỉ số HNX Index, tháng 6/2021 – tháng 6/2022



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Thanh khoản trên sàn HoSE trong tháng 06/2022 tiếp tục giảm, giá trị giao dịch bình quân thông qua giao dịch khớp lệnh đạt 13.071 tỷ đồng (-4,7% so với tháng trước). Tuy nhiên, tốc độ suy giảm thanh khoản có dấu hiệu thu hẹp đáng kể so với con số -33,2% ở tháng trước đó. Điều này phản ánh đà bán tháo đã tạm ngưng, tuy nhiên tâm lý thị trường vẫn còn khá yếu.

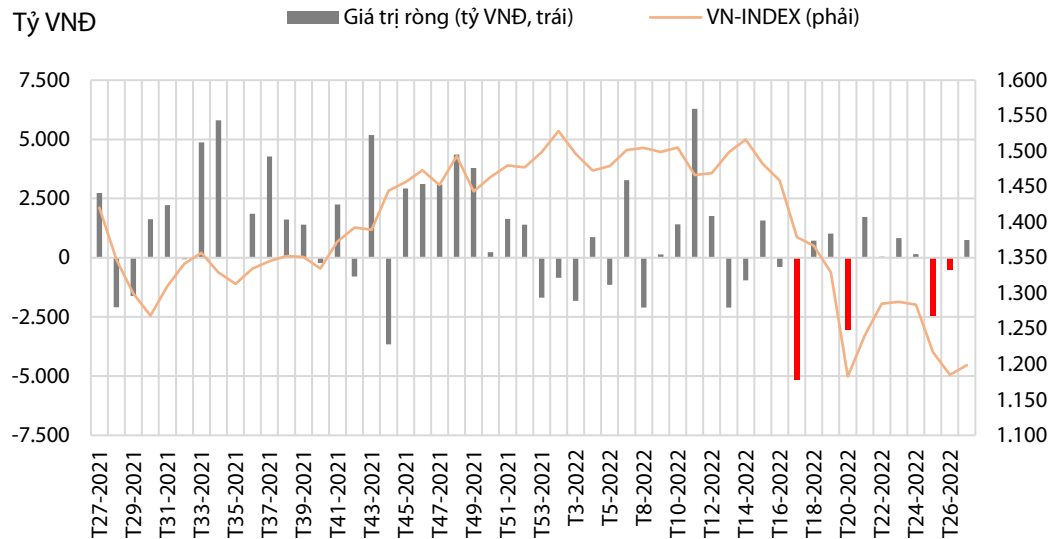
Bảng 1: Thống kê VN-INDEX các giai đoạn thị trường giá giảm

Giai đoạn	VN-INDEX (thống kê tuần)			GTKL trung bình			Số tuần điều chỉnh
	Cao nhất	Thấp nhất	Thấp nhất/Cao nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Thấp nhất/Cao nhất	
2007-2008	1.156	300	-74%	5.669	1.039	18%	92
2009-2011	615	352	-43%	17.955	1.329	7%	114
2018-2019	1.200	881	-27%	24.524	10.455	43%	38
2019-2020	992	696	-30%	17.244	13.374	78%	22
2022 - hiện tại	1.528	1.186	-22%	129.862	53.368	41%	14

Nguồn: FiinPro, CTCK Rông Việt

Nếu tính từ đỉnh thị trường 1.528 trong 04/2022 đến thời điểm hiện tại, VN-INDEX đã giảm 22% từ đỉnh. Giá trị khớp lệnh toàn thị trường hiện chỉ ở mức 53 ngàn tỷ đồng/tuần, chỉ còn khoảng 41% so với mức trung bình khoảng thời gian thị trường tạo đỉnh. Theo quan sát của chúng tôi, mức thanh khoản giảm đáng kể ở thời điểm hiện tại một phần đến từ việc giảm áp lực bán giải chấp và một số nhà đầu tư đã chấp nhận khoản lỗ và xem nó như một khoản đầu tư dài hạn. So sánh với quá khứ, mức điều chỉnh thanh khoản đến thời điểm hiện tại cũng đã thấp hơn so với mức điều chỉnh từ đỉnh hai đợt thị trường gấu gần đây nhất của VN-INDEX trong các năm 2018-2019 và cuối 2019 - giữa 2020 (Covid-19), lần lượt ở mức 43% và 78%.

Hình 3: GTKL ròng của nhà đầu tư cá nhân theo tuần



Nguồn: FiinPro, CTCK Rông Việt

Đồng thời, quan sát hoạt động giao dịch nhóm Nhà đầu tư cá nhân, thành phần quan trọng nhất trong hoạt động giao dịch thị trường, chiếm 80-90% tỷ trọng giá trị giao dịch hàng ngày/tuần VN-INDEX. Chúng tôi cũng nhận thấy lực bán ròng của nhóm nhà đầu tư cá nhân có xu hướng giảm theo thời gian khi thị trường có những tuần điều chỉnh mạnh (Hình 3).

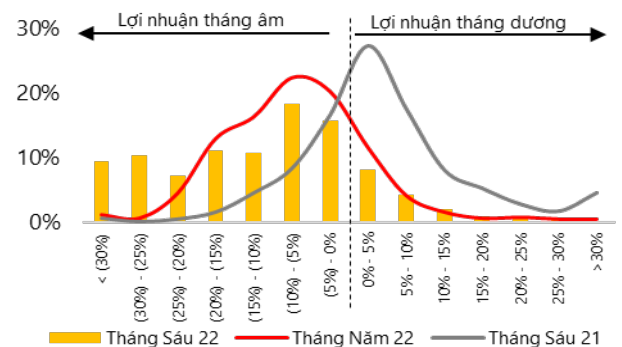
Trong tháng 06/2022, 83% cổ phiếu chứng kiến lợi nhuận trong tháng âm. Kết quả này cho thấy sự điều chỉnh diễn ra trên diện rộng và độ rộng được kéo dài hơn so với tháng Năm (76%) khi thị trường phản ứng với những biến động của thị trường tài chính thế giới. Độ rộng thị trường vẫn cho thấy sự tập trung nhiều của mức sinh lợi hàng tháng trong khoảng -10% đến 0%. Cụ thể, lợi nhuận cổ phiếu chủ yếu nằm trong khoảng -10% đến 0%. So sánh với tháng 5/2022 khi thị trường có sự phục hồi ngắn hạn, đường cong phân phối ở phía bên trái đã dày trở lại (Hình 3).

Bảng 2: Diễn biến các nhóm cổ phiếu trong tháng 6

	VN30		VNMid		VNSmall	
	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá
Tháng Tư 2022	7,423	-6.05%	8,419	-13.14%	3,640	-15.70%
Tháng Năm 2022	5,431	-5.98%	5,495	-7.44%	2,081	-9.70%
Tháng Sáu 2022	4,848	-6.28%	5,753	-11.16%	1,899	-15.50%

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
TBKL: Trung bình khớp lệnh

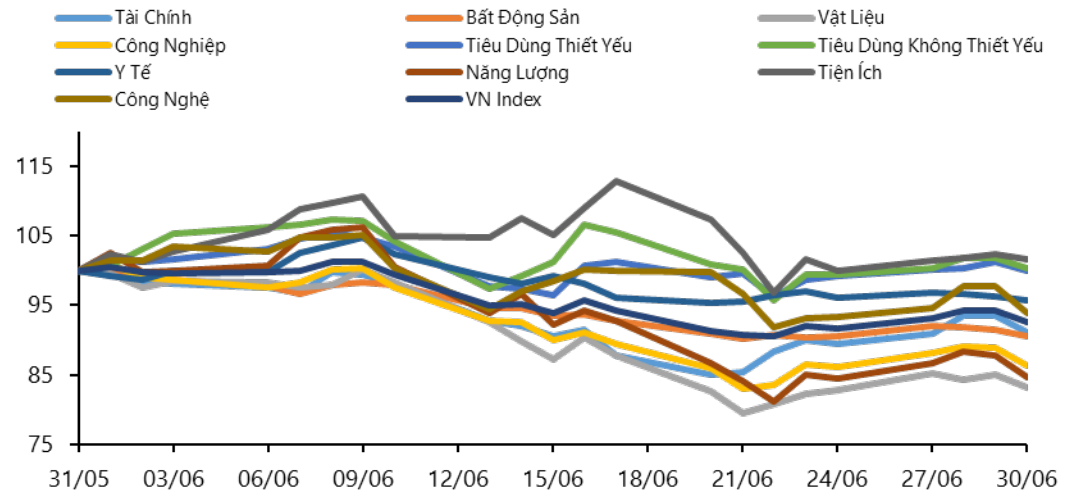
Hình 4: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

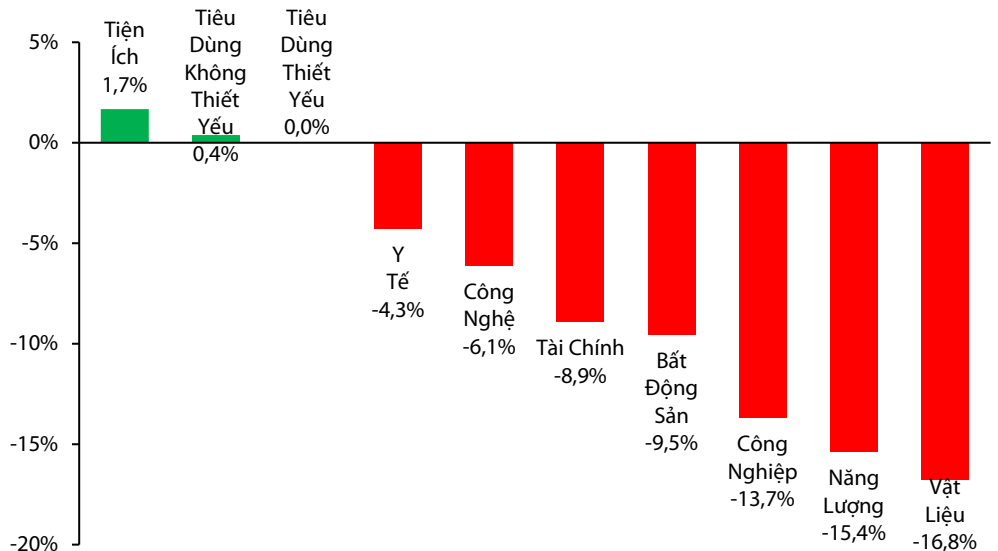
Trong số các ngành, chỉ có 3/10 ngành ghi nhận lợi nhuận dương trong tháng Sáu. Dẫn đầu tiếp tục là nhóm Tiện ích với mức tăng trưởng 1,7% MoM. Hai nhóm tăng còn lại là nhóm tiêu dùng thiết yếu (0,03%) và không thiết yếu (0,4%). Ở chiều ngược lại, ngành Vật liệu (-16,8%) tiếp tục điều chỉnh với mức giảm lớn nhất và giảm sâu hơn chỉ số VN Index, theo sau là nhóm Năng lượng (-15,4%) và nhóm Công nghiệp (-13,7%). Đáng chú ý, nhóm tiện ích (+5,0%), nhóm Tiêu dùng không thiết yếu (+4,9%) và Năng lượng (+4,4%) là những nhóm có sức phục hồi cao hơn những nhóm còn lại kể từ khi VN Index (+2,4%) tạo đáy ngắn hạn ngày 22/6.

Hình 5: Diễn biến chỉ số các nhóm ngành trong tháng 6



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 6: Hiệu suất các nhóm ngành trong tháng 6



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

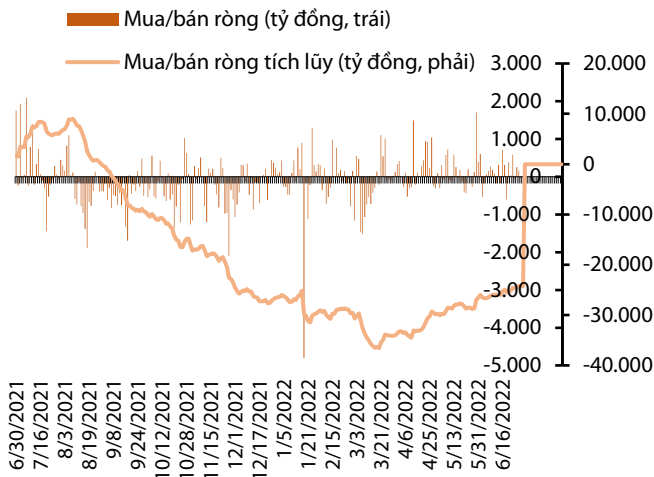
Khối ngoại

Trong tháng Sáu, Khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế mua ròng, với giá trị mua ròng đạt 1.770 tỷ đồng thông qua giao dịch khớp lệnh trên sàn HoSE. Đây là tháng thứ ba liên tiếp khối ngoại mua ròng khi thị trường thực hiện các đợt điều chỉnh. Tổng giá trị mua ròng khớp lệnh từ tháng 04-05-06/2022 được ghi nhận ở mức 4.604 tỷ đồng.

Trong tháng Sáu, dòng vốn vào ròng từ các nhà đầu tư nước ngoài tập trung giải ngân ở một số ít các cổ phiếu nổi bật là DPM (649 tỷ đồng), CTG (530 tỷ đồng), MSN (460 tỷ đồng), FUEVFNVD (386 tỷ đồng), STB (373 tỷ đồng). Ngược lại, VIC (-628 tỷ đồng), HPG (-580 tỷ đồng), NVL (-500 tỷ đồng), MWG (-307 tỷ đồng), và DGC (-250 tỷ đồng) là những cổ phiếu bị bán ròng mạnh từ khối ngoại.

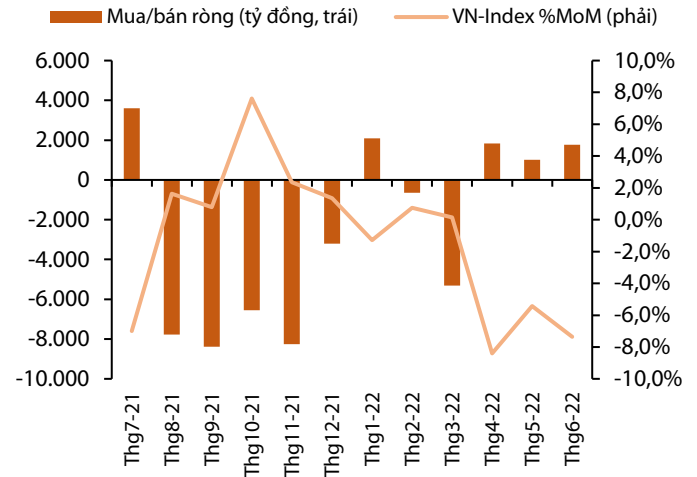
Sự tích cực của dòng tiền từ các ETF (~57 triệu USD) tiếp tục được duy trì và tỏ ra nổi bật hơn sự phân hóa giữa các quỹ. Vị thế mua ròng này được dẫn dắt bởi một số dòng vốn lớn từ Fubon FTSE Vietnam ETF (quỹ ngoại) và VFMVN Diamond ETF (quỹ nội). Về phía quỹ ETF nước ngoài, iShares MSCI Frontier and Select EM ETF ghi nhận rút ròng lớn nhất với 12,1 triệu USD, trong khi Fubon nhận được dòng vốn ròng 46,2 triệu USD. Các quỹ ngoại khác cũng ghi nhận rút ròng như FTSE Vietnam ETF (-2,2 triệu USD). Trong số các quỹ ETF trong nước, VFMVN Diamond ETF tiếp tục rút ròng vào thị trường 36,6 triệu USD. Trong khi đó, VFMVN30 ETF chứng kiến sự rút ròng mạnh mẽ, -12,3 triệu USD.

Hình 7: Diễn biến mua / bán ròng của khối ngoại (tỷ đồng) trong 12 tháng qua



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 8: Mua / bán ròng của khối ngoại (khớp lệnh) trên HOSE và diễn biến của VN-Index theo tháng



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 3: Giá trị khối ngoại mua/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE và HNX tháng 6

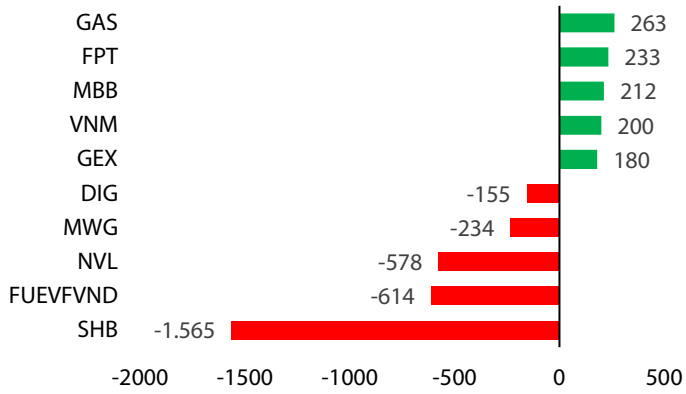
Khu vực	HSX		HNX	
	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Ngân hàng	1,177	55,069	-77	-4,950
Xây dựng và Vật liệu	614	11,572	-5	-70
Thực phẩm và đồ uống	508	6,049	2	55
Hóa chất	502	7,766	0	10
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	197	-210	-1	-82
Bảo hiểm	181	4,921	63	1,379
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	179	6,647	-3	-257
Dịch vụ tài chính	144	2,277	-4	-144
Y tế	114	1,937	29	612
Hàng cá nhân & Gia dụng	102	1,439	-1	4
Dầu khí	42	694	0	13
Công nghệ Thông tin	3	-292	0	14
Truyền thông	1	64	1	51
Viễn thông	0	0	0	69
Du lịch và Giải trí	-32	-2,217	1	68
Ô tô và phụ tùng	-45	-5,124	-22	-170
Bán lẻ	-298	-4,001	10	346
Bất động sản	-398	4,633	84	3,335
Tài nguyên Cơ bản	-664	-28,347	-1	-51

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Nhà đầu tư tổ chức trong nước

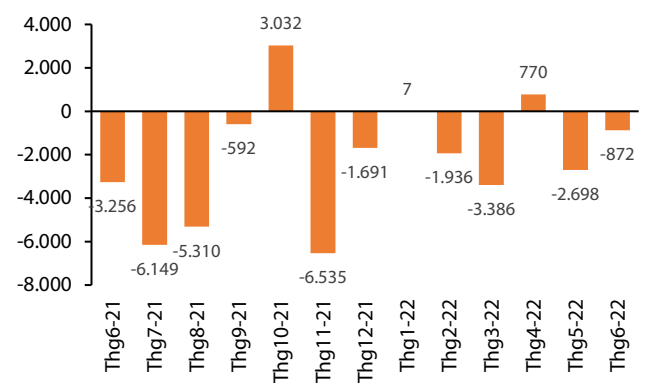
Các nhà đầu tư tổ chức trong nước tiếp tục bán ròng trong tháng Sáu với giá trị -872 tỷ đồng và trái chiều so với dòng tiền của nhóm nhà đầu tư nước ngoài. So với tháng trước đó, áp lực bán ròng của nhóm nhà đầu tư tổ chức đã có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi khối ngoại đẩy nhanh tốc độ mua ròng. Các cổ phiếu chính được tập trung giao dịch bởi các nhà đầu tư tổ chức trong nước được thể hiện bên dưới.

Hình 9: Các cổ phiếu được các tổ chức trong nước bán/mua nhiều nhất (tỷ đồng) trong tháng 5



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 10: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên HSX (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Ở thời điểm hiện tại, chúng tôi nhận thấy một số tín hiệu tích cực ban đầu về giá dầu và sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc, tuy nhiên vẫn còn khá sớm để có cái nhìn lạc quan về hai biến số này. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng số liệu kinh tế Mỹ và mức tăng lãi suất được công bố trong kỳ họp Fed tháng 7 tới đây sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến thị trường thế giới cũng như Việt Nam.

Trong nước, với diễn biến leo thang của lạm phát thế giới và chính sách tiền tệ của FED, áp lực lên tỷ giá VNDUSD đang khá lớn. Chúng tôi cho rằng NHNN sẽ duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, trong đó ưu tiên ổn định lãi suất và sẽ có động thái nhằm điều tiết biến động tỷ giá. Hạn mức tăng trưởng tín dụng mới cho ngành ngân hàng khả năng sẽ có trong nửa đầu quý 3, song mức độ sẽ chậm hơn so với các năm trước. Xét về triển vọng kinh doanh trong Q2 & Q3 của các ngành nghề, mặc dù đa số đều được đánh giá là trung lập – tích cực, xu hướng nhìn chung có sự phân hóa giữa các ngành. Do vậy, chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ tiếp tục luân chuyển qua lại giữa các nhóm ngành, thay vì tạo nên một sóng tăng mạnh cho thị trường.

Tháng Bảy, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ biến động trong vùng 1.180 – 1.250 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, khi giá dầu tăng mạnh trở lại, đồng thời tăng trưởng kinh tế Mỹ xác nhận đi vào “suy thoái kỹ thuật”, chỉ số VN-INDEX có thể diễn biến xấu hơn so với mức kỳ vọng của chúng tôi. Chiến lược đầu tư mang tính phòng thủ cao vẫn được khuyến nghị cho tháng Bảy. NĐT cần duy trì sức mua tốt để có thể nắm bắt cơ hội trong những phiên dao động mạnh của thị trường.

Kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó đoán định

Giá dầu: Hiện tại, chúng tôi nhận thấy giá dầu là biến số quan trọng nhất đến chỉ số lạm phát, đã tạm hạ nhiệt. Giá dầu Brent đã có xu hướng giảm từ đỉnh 123,6 USD/bbl (08/06/2022) xuống còn 116,3 USD/bbl (29/06/2022, giảm 5,9%). Sau cuộc họp OPEC+ ngày 30/6/2022, nhóm OPEC+ đã thông báo tiếp tục chính sách tăng sản lượng mỗi tháng thêm 648.000 thùng/ngày vào tháng 7 và tháng 8, giá dầu đã tiếp tục điều chỉnh giảm về mức 111,6 USD/bbl, giảm 4,0% so với giá trước cuộc họp. Tuy nhiên, vẫn còn đó các rủi ro đến từ căng thẳng giữa Nga và Ukraina, chính sách phản vệ của Nga với Mỹ và Châu Âu và khả năng thực thi kế hoạch của nhóm OPEC+ được cho là tác động tiêu cực, khiến giá dầu có thể tăng lại mức trên 130 USD/bbl. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lạm phát toàn cầu, đang là mối lo lớn nhất của các nền kinh tế.

Triển vọng phục hồi nền kinh tế Trung Quốc: Sau khi các biện pháp phong tỏa được dỡ bỏ trong tháng Năm và một loạt các hỗ trợ chính sách tài khóa & tiền tệ được thực thi, các chỉ số kinh tế Trung Quốc trong tháng 06/2022 mới đây bước đầu đã cho thấy một số tín hiệu khởi sắc:

- (1) Xuất khẩu của Trung Quốc tăng 16,9% YoY, đạt giá trị 308,25 tỷ USD mức cao nhất trong 4 tháng trở lại đây, vượt mức dự báo của thị trường là 8% và tăng mạnh so với mức tăng 3,9% một tháng trước đó. Trong khi, giá trị nhập khẩu tăng 4,1% YoY, ghi nhận lần tăng trưởng đầu tiên trong Q2/2022.
- (2) Sản lượng thông qua cảng Thượng Hải trong tháng 06/2022 đã gần như hồi phục, ở mức 96% so với giai đoạn trước dịch. Các chỉ số logistics cũng cho thấy sự cải thiện hơn trong tháng 06/2022.
- (3) Chỉ số PMI tháng 06/2022 đạt 50,2, từ mức 48,1 tháng trước, đây là lần đầu tiên chỉ số này vượt 50 kể từ tháng 02/2022.
- (4) Chỉ số ISM đo lường hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ (phi sản xuất) đã tăng lên 54,7, cao nhất trong hơn một năm và cao hơn nhiều so với dự báo đồng thuận 50,5.

Dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc đang mang lại kỳ vọng về sự phục hồi tăng trưởng toàn cầu, cũng như giảm áp lực lạm phát khi chuỗi cung ứng và giao thương thế giới dần trở lại. Tuy nhiên, các tín hiệu chỉ mới khởi sắc trong tháng đầu tiên và cần có thêm thời gian để kiểm chứng tính hiệu quả các chính sách hỗ trợ của chính phủ Trung Quốc.

Triển vọng kinh tế Mỹ và mức tăng lãi suất của Fed trong kỳ họp tháng 07/2022 tới đây: Sau lần tăng lãi suất cao nhất trong vòng 28 năm trở lại đây, Fed đã phát đi tín hiệu rõ ràng, các đợt

tăng lãi suất liên tục sẽ phù hợp với việc tập trung vào việc kiềm chế lạm phát. Câu hỏi đặt ra là Fed sẽ quyết liệt như thế nào trong tháng 7 và những năm còn lại của năm nay sẽ phụ thuộc rất lớn vào dữ liệu kinh tế Mỹ, đặc biệt là lạm phát trong bối cảnh Fed quyết tâm giữ kỳ vọng lạm phát “cố định ở mức 2%”.

Chính sách tiền tệ trong nước thận trọng dưới áp lực lạm phát và biến động tỷ giá

Chúng tôi cho rằng lãi suất và tỷ giá trong nước vẫn đứng trước áp lực điều chỉnh tăng từ rủi ro tăng lãi suất của Fed theo lộ trình. Dù vậy, nhà điều hành đang thể hiện cam kết “hỗ trợ phục hồi kinh tế song song với kiểm soát lạm phát, duy trì lãi suất điều hành và lãi suất cho vay trên thị trường 1 ổn định”. Do đó, như quan điểm ở phần vĩ mô, chúng tôi cho rằng NHNN sẽ tiếp tục có động thái can thiệp nhằm ổn định tỷ giá. Đồng thời, cho đến lạm phát bình quân có dấu hiệu tăng tốc và vượt ngưỡng 4%, NHNN sẽ chưa điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản.

Về tăng trưởng tín dụng, tính đến ngày ngày 10/6, mức tăng cả ngày là 8,2% YTD và nhiều NHTM hiện đã hết hạn mức tăng trưởng trong 6T2022. Hạn mức tăng trưởng mới có thể sẽ được cấp thêm trong nửa đầu Q3 song mức độ có thể chậm hơn so với các năm trước.

Giao dịch T+2: liệu có phải là tín hiệu tốt cho thanh khoản thị trường?

Gần đây, VSD vừa lấy ý kiến dự thảo Quy chế hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán, điều chỉnh thời gian hoàn tất thanh toán chu kỳ T+2 theo chỉ đạo của UBCKNN. Theo đó chứng khoán về tài khoản vào thời gian 11h30 – 12h00 ngày T+2, và tiền giao dịch chứng khoán cũng sẽ về tài khoản của nhà đầu tư sớm hơn 1 ngày so với quy chế cũ. Dự thảo này nếu được áp dụng đúng theo kế hoạch sẽ chứng minh nỗ lực của cơ quan chủ quản trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của thị trường trong dài hạn.

Trong ngắn hạn, chúng tôi chưa có những nghiên cứu cụ thể về đánh giá tác động tức thời của việc rút ngắn (chỉ 1 ngày) thời gian giao dịch lên chỉ số. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường vừa trải qua đợt điều chỉnh mạnh, tâm lý nhà đầu tư cá nhân vẫn còn nhiều e ngại như hiện tại. Song, chúng tôi nhận thấy:

- Tháng 09/2012, khi UBCK áp dụng thay đổi T+4 sang T+3, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân hàng tuần trong 12 tháng tiếp theo đã tăng 12% yoy so với khoản thời gian trước đó, cũng trong bối cảnh thị trường vừa giảm mạnh trong năm 2011 và kéo dài sang 2012.
- Ngoài ra, xét về hiệu quả cho một “trader” sử dụng đòn bẩy thì việc rút ngắn 1 ngày giao dịch cũng tương ứng lãi suất phải trả (cho một vòng quay cổ phiếu) sẽ giảm khoảng 25%. Giả sử ở mức dư nợ khoảng 100 ngàn tỷ đồng (như cuối Q1/22), với mức lãi suất vay khoảng 13%/năm, thì số tiền lãi vay mà thị trường có thể tiết kiệm được là 3.250 tỷ đồng.

Triển vọng kinh doanh Q2 & Q3 khó tạo nên sự đột biến về tăng trưởng chỉ số thị trường, song nền tảng khá vững chắc để giúp chỉ số hồi phục nhanh nếu có những phiên điều chỉnh mạnh

Thống kê quan điểm của các chuyên viên phân tích của chúng tôi cho thấy KQKD Q2 & Q3 đang số mang màu sắc trung lập – tích cực. Dù vậy, xu hướng (Q2 sang Q3) có sự phân hóa giữa các nhóm ngành, trong đó tổng các ngành chiếm hơn 1/3 vốn hóa thị trường cho thấy xu hướng là tích cực, hơn 1/3 cho thấy xu hướng kém tích cực (Bảng 3). Trong đó:

- 6/20 ngành, bao gồm Du lịch giải trí, Thực phẩm đồ uống, Bán lẻ, Công nghệ thông tin, Ô tô và Ngân Hàng vẫn có triển vọng kinh doanh khả quan trong Q2-Q3/2022. Tuy nhiên, trong đó phần lớn các giá thị trường các cổ phiếu của năm nhóm ngành đầu tiên đã tăng khá nhanh trong tháng 5-6/2022. Vì vậy, chúng tôi cho rằng mức ảnh hưởng lên VN-INDEX của các nhóm ngành này trong ngắn hạn không còn nhiều.
- Ngành ngân hàng sẽ là nhóm ngành duy trì sắc xanh cho thị trường. Trong đó, chúng tôi đang có quan điểm tích cực về mặt bằng tăng trưởng ở nhóm ngân hàng quốc doanh (gồm VCB, BID, CTG) hơn so với mặt bằng nhóm ngân hàng tư nhân trong danh mục theo dõi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng kỳ vọng sẽ có ngân hàng tư nhân đạt kết quả đột phá trong Q2. Động lực tăng trưởng nhìn chung sẽ đến từ nền so sánh và khả năng phục hồi ở NIM và chi phí tín dụng biên ở một số ngân hàng.

Nhìn sang Q3, chúng tôi cho rằng sẽ có nhiều luồng tin tức tích cực hơn so với Q2 vừa qua. Chúng tôi kì vọng hạn mức tăng trưởng tín dụng sẽ được nới trong quý và hạn mức mới sẽ không tăng mạnh so với hạn mức hiện tại ở đa số các ngân hàng. Kết quả kinh doanh Q3/22 dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục theo nền kinh tế trên nền thấp với tốc độ tăng trưởng tốt trong kịch bản lãi suất điều hành được ổn định và lạm phát ở trong mức kiểm soát.

- Dự báo ba nhóm ngành sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực trong Q3/2022 là Bất động sản, VLXD và Hóa chất. Trong đó, BĐS và VLXD là hai nhóm ngành đã bị điều chỉnh mạnh nhất từ đầu năm đến nay, với mức giảm 28% và 37% so với mức giảm 22% của VN-INDEX vẫn chưa cho thấy các tín hiệu khởi sắc.

Bảng 4: Triển vọng KQKD YoY theo nhóm ngành Q2-Q3/2022

Nhóm ngành	% vốn hóa	PE Hiện tại	PE bình quân 3 năm	PB Hiện tại	PB bình quân 3 năm	Q2/2022			Q3/2022		
						Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Bán lẻ	2%	19,0	18,3	3,6	3,3		x				x
Ngân hàng	25%	9,8	12,6	1,7	2,0			x			x
Du lịch và Giải trí	2%		16,1	4,4	3,8			x			x
Điện	3%	15,1	15,2	2,1	2,1			x			x
Công nghệ Thông tin	2%	20,3	16,9	3,6	2,7			x			x
Ô tô và phụ tùng	0%	15,4	17,8	1,1	1,6			x			x
Bảo hiểm	1%	15,2	19,6	1,6	1,8	x				x	
Y tế	1%	14,7	16,3	1,7	2,2		x			x	
Hàng cá nhân & Gia dụng	1%	12,7	12,7	1,8	1,8		x			x	
Viễn thông	2%	39,6	87,3	2,6	3,1		x			x	
Thực phẩm và đồ uống	11%	16,8	22,4	3,1	3,6			x		x	
Dầu khí	3%	15,3	19,0	1,6	1,5			x		x	
Hóa chất	4%	10,3	21,0	1,9	1,8			x	x		
Bất động sản	20%	20,6	21,5	2,3	3,0	x			x		
Xây dựng và Vật liệu	4%	16,6	18,1	1,4	1,6	x			x		
Dịch vụ tài chính	3%	8,0	14,9	1,7	2,0	x			x		

Nguồn: CTCK Rồng Việt

CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG BẢY

Cơ hội ngắn hạn trong mùa báo cáo

Chúng tôi nhận thấy những ngành có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt trong Q2 2022 như Hàng tiêu dùng (Thủy sản, F&B), Dịch vụ tiêu dùng (Bán lẻ), CNTT, Tiện ích (Điện, nước), Nguyên vật liệu (Hóa chất), Công nghiệp (Logistics) vẫn tiếp tục thu hút dòng tiền (Bảng 4) và là “nơi trú ẩn” tương đối an toàn trong tháng Sáu (Bảng 5). Điều này tiếp tục khẳng định sự phân hóa sâu sắc của dòng tiền trên thị trường.

Bảng 5: Định giá, chỉ số tài chính và thanh khoản các ngành cấp 2

Ngành cấp 2	Định giá P/E		Định giá P/B		Hiện tại	ROE%			Thanh khoản MoM (%)
	30/6/2022	TB 3 năm	30/6/2022	TB 3 năm		2021	2020	2019	
Điện, nước, xăng, khí đốt	15,5	14,7	2,2	2,0	16,3%	15,2%	14,3%	19,4%	151%
Dầu khí	15,7	16,2	1,7	1,5	13,2%	11,4%	0,7%	11,0%	74%
Bán lẻ	19,4	16,5	3,7	3,1	24,3%	20,4%	23,6%	31,2%	42%
Hàng cá nhân & Gia dụng	12,7	11,8	1,8	1,7	17,6%	14,7%	17,1%	20,9%	41%
Thực phẩm và đồ uống	16,9	20,5	3,2	3,4	23,3%	17,8%	21,5%	25,1%	22%
Hóa chất	10,5	17,8	1,9	1,6	26,1%	13,4%	7,7%	9,3%	17%
Du lịch và Giải trí	0	14,1	4,4	3,6	2,1%	-28,4%	-23,1%	25,1%	11%
Hàng & Dịch vụ CN	20,1	18,4	2,4	2,5	12,9%	10,5%	12,9%	19,4%	6%
Truyền thông	33,8	70,5	3,5	4,4	14,1%	10,4%	7,6%	6,6%	6%
Bảo hiểm	15,1	18,7	1,6	1,7	10,9%	11%	7,6%	8,4%	5%
Công nghệ Thông tin	19,9	16,6	3,5	2,7	20,0%	16,9%	16,4%	17,7%	4%
Xây dựng và Vật liệu	16,3	15,7	1,4	1,4	12,2%	10,2%	12,1%	12,0%	2%
Y tế	14,8	15,3	1,7	2,0	15,2%	13,9%	15,8%	16,1%	0%
Bất động sản	20,7	20,6	2,4	2,9	12,1%	15,0%	16,4%	15,0%	-1%
Ô tô và phụ tùng	15,3	14,6	1,1	1,4	7,9%	7,5%	12,4%	8,9%	-2%
Ngân hàng	9,8	11,9	1,7	1,9	18,5%	18,8%	16,4%	19,0%	-6%
Dịch vụ tài chính	7,6	12,6	1,7	1,7	21,9%	22,6%	10,7%	8,9%	-6%
Tài nguyên Cơ bản	4,8	12,1	1,2	1,7	29,6%	32,8%	14,5%	-29,1%	-11%
Viễn thông	40,6	99	2,6	3,2	8,4%	2,9%	10,1%	6,6%	-41%

Nguồn: Finpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 6: Diễn biến chỉ số ngành

Chỉ số ngành	T6/2022	YTD
Tiện ích	1,7%	-1,0%
Tiêu dùng tùy ý	0,4%	9,1%
Tiêu dùng	0,0%	-1,6%
Y tế	-4,3%	-0,5%
CNTT	-6,1%	22,3%
Tài chính	-8,9%	-21,3%
ĐBS	-9,5%	-14,2%
Công nghiệp	-13,7%	-8,8%
Năng lượng	-15,4%	-12,4%
NVL	-16,8%	-13,6%
VN Index	-7,4%	-20,1%

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Mặc dù xu hướng tích cực về giá của những cổ phiếu thuộc các ngành trên có thể tiếp diễn cho tới khi những con số về lợi nhuận Q2 được công bố, chúng tôi cũng nhận thấy áp lực chốt lời ngắn hạn cũng đã tăng lên đáng kể. Do đó, NĐT đang nắm giữ những cổ phiếu trên nên thận trọng quan sát và cân nhắc thời điểm chốt lời phù hợp đối với những cổ phiếu (1) đã có đà tăng giá mạnh nhưng không được hỗ trợ một cách chắc chắn bởi triển vọng lợi nhuận các quý tiếp theo và (2) có mặt bằng định giá cao hơn đáng kể so với TB quá khứ (bảng 4).

Theo đó, chúng tôi khuyến nghị chốt lời/hạ tỷ trọng đối với các cổ phiếu thuộc nhóm thủy sản (VHC, ANV), vốn đã ghi nhận đà tăng giá mạnh mẽ trong thời gian qua, khi dự kiến LN ngành nhiều khả năng sẽ tạo đỉnh trong Q2 năm nay do lo ngại về nhu cầu tiêu thụ sẽ chậm lại trong thời gian tới. Ngoài ra, mức định giá tương đối cao sẽ là trở ngại để các cổ phiếu lớn như FPT và PNJ duy trì được đà tăng giá ngắn hạn.

Bảng 7: Danh mục các cổ phiếu đã khuyến nghị các tháng trước

Cổ phiếu	Thời điểm khuyến nghị	T6/2022 (%)	Tỷ lệ sinh lời từ khi khuyến nghị	2022F P/E	P/B
PNJ	T3 2022	12,4%	19,6%	18,8	3,9
TNG	T6 2022	11,9%	6,2%	n/a	n/a
BSR	T6 2022	7,1%	2,9%	n/a	n/a
NT2	T4 2022	6,0%	7,6%	11,3	1,6
ANV	T4 2022	0,4%	24,1%	10,0	2,7
GAS	T6 2022	-1,9%	-7,0%	n/a	n/a
QNS	T4 2022	-4,3%	-7,5%	9,3	2,3
FPT	T5 2022	-5,0%	-0,1%	15,7	4,9
PVT	T4 2022	-5,6%	-19,5%	7,8	1,2
PLX	T6 2022	-8,4%	-7,4%	n/a	n/a
VHC	T4 2022	-9,0%	-1,1%	8,1	2,7

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Ở chiều ngược lại, chúng tôi kỳ vọng dòng tiền sau khi chốt lời có thể sẽ tìm đến các cổ phiếu đã có dấu hiệu tạo đáy ngắn hạn và kết các yếu tố như (1) có KQKD quý 2 kỳ vọng khả quan nhưng chưa được phản ánh vào giá cổ phiếu và (2) có định giá tương đối rẻ hơn đáng kể so với TB quá khứ.

- **Ngành ngân hàng: CTG (GMT: 34.000 VNĐ), VCB (GMT: 96.900 VNĐ), BID (GMT: 37.400 VNĐ).** Chúng tôi kỳ vọng nhóm ngân hàng quốc doanh đạt kết quả kinh doanh tích cực hơn mức trung bình ngành, với tăng trưởng LN đạt 40% YoY trên nền so sánh thấp, dù giảm 14% so với Q1/22. Động lực chính sẽ từ sự phục hồi so với cùng kỳ ở chất lượng tài sản và từ đó, thúc đẩy cải thiện chi phí tín dụng. Các ngân hàng quốc doanh đã cơ bản trích lập đầy đủ cho nợ cơ cấu theo Thông tư 03, do đó cũng sẽ chịu ít áp lực gia tăng ở trích lập dự phòng. Dù vậy, ở phía tổng thu nhập hoạt động, chúng tôi cho rằng các ngân hàng quốc doanh sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ hoạt động miễn phí phí giao dịch, vốn chiếm tỷ trọng tương đối trong thu nhập phi thuế. Các ngân hàng quốc doanh cũng ổn định lãi suất huy động niêm yết tốt hơn so với nhóm ngân hàng tư nhân (trừ BID có 1 đợt tăng LS). Do đó, chúng tôi đánh giá mặt bằng chi phí huy động vốn sẽ chịu ít biến động hơn khi mà tăng trưởng huy động tiền gửi nhóm này khá thấp so với tăng trưởng tín dụng. NIM dự kiến cũng là điểm sáng so với nền năm 2021.
- **Ngành công nghiệp: ACV (GMT: 100.400 VNĐ).** Sản lượng hành khách đang phục hồi mạnh mẽ sẽ dẫn dắt tăng trưởng doanh thu và LN. Sản lượng khách nội địa và quốc tế dự kiến đạt lần lượt 22,8 triệu lượt (+109 Yoy %) và 1,8 triệu lượt (+1394% YoY) trong Q2 2022.

Bảng 8: Khảo sát ước tính KQKD Q2-2022 của một số cổ phiếu thuộc danh mục theo dõi

Ngành	CP	LNST (Tỷ VNĐ)	YoY %	Thay đổi giá 1 tháng	Thay đổi giá 3 tháng	Thay đổi giá YTD	Nhận định Q2/2022
Ngành ngân hàng & bảo hiểm	BID	4.389	20%	-5%	-23%	-10%	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức tín dụng cao nhất ngành và NIM phục hồi giúp tăng trưởng thu nhập lãi thuần tốt. Dù HDSaison được chỉ đạo tham gia gói cho vay hỗ trợ công nhân 20 nghìn tỷ nhưng room chưa được cấp mới và chưa có thông tin chi tiết nên chưa thực hiện trong Q2. - Dự phòng duy trì mức thấp nhờ nợ cơ cấu thấp và đã trích lập xong cho nợ cơ cấu. Nợ xấu ở HDSaison dự kiến giảm sau khi bị độ trễ và tính mùa vụ trong Q1 giúp đỡ áp lực dự phòng. - Các hoạt động kinh tế - xã hội trở lại bình thường và độ trễ trong yêu cầu bồi thường sẽ làm tăng tỷ lệ bồi thường. - Chi phí tài chính tăng mạnh do trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu. Các khoản đầu tư vào VIP, OIL và VNR (chiếm 40% danh mục cổ phiếu và ủy thác đầu tư và chiếm 2% tổng danh mục đầu tư cuối năm 2021) đã giảm giá lần lượt -39%, -27% và -24% so với cuối Q1/2022. - Hạn mức tín dụng tương đối cao và NIM bật tăng nhờ kết thúc gói hỗ trợ lãi suất và chưa tăng lãi suất huy động. Thu nhập lãi thuần tăng trưởng cao và là động lực dẫn dắt. VCB chưa được ghi nhận khoản thưởng ở banca, chỉ ghi nhận khoản phí trả trước, và thu nhập thuần mảng digibank bị âm sau khi miễn phí chuyển tiền nên thu nhập phi giảm mạnh. - Chi phí dự phòng dự kiến ghi nhận đều theo kế hoạch dù nợ cơ cấu giảm mạnh.
	CTG	3.342	49%	-6%	-19%	-23%	
	HDB	2.114	36%	-8%	-15%	-22%	
	PGI	59	-44%	1%	-10%	19%	
	VCB	6.179	56%	-5%	-9%	-5%	
	MBB	4.872	88%	-13%	-27%	-16%	
Ngành hàng không	ACV	1.839	260%	-9%	-15%	-9%	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng hành khách phục hồi dẫn dắt tăng trưởng doanh thu và LN. Sản lượng khách nội địa và quốc tế dự kiến đạt lần lượt 22,8 triệu lượt (+109 Yoy %) và 1,8 triệu lượt (+1394% YoY). - Yên Nhật mất giá hỗ trợ đáng kể lợi nhuận tài chính.
Ngành bán lẻ	MWG	1.150	-5%	-1%	-1%	6%	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phóng TGDĐ & ĐMX ghi nhận doanh thu khoảng 27100 tỷ đồng, dẫn dắt chủ yếu bởi các cửa hàng mới của ĐMX Supermini và Topzone (theo mô hình cửa hàng), và các sản phẩm Apple (theo nhóm sản phẩm). Doanh thu Q2 sẽ giảm khoảng 10% so

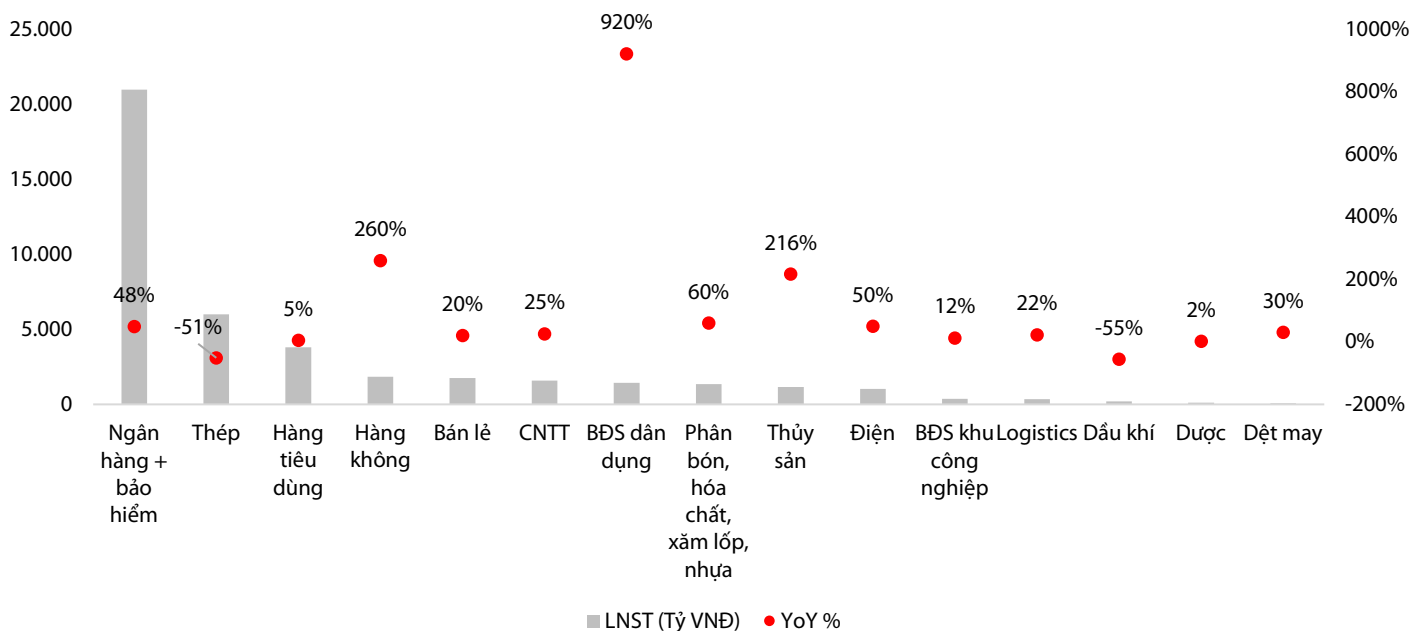
Ngành	CP	LNST (Tỷ VNĐ)	YoY %	Thay đổi giá 1 tháng	Thay đổi giá 3 tháng	Thay đổi giá YTD	Nhận định Q2/2022
							<p>với Q1 sau khi nhu cầu mua sắm laptop, các thiết bị điện tử khác dần bình thường hóa trở lại sau mua cao điểm đầu năm và do sức mua bị ảnh hưởng bởi lạm phát.</p> <p>- Dự phóng doanh thu BHX khoảng 6900 tỷ đồng. Doanh thu/cửa hàng đang phục hồi nhẹ lên mức 1,1 tỷ đồng, nhờ các sáng kiến cải tiến lưu lượng khách hàng (CTKM và sắp xếp lại bố cục cửa hàng). BHX cũng đang đóng bớt những cửa hàng hế kém hiệu quả, điều này phần nào bù đắp chi phí cho chương trình KM đang được thực hiện tại các nhóm hàng tươi sống và FMCG.</p>
	PNJ	410	84%	12%	17%	35%	<p>- Doanh thu bán lẻ duy trì ở mức cao kỷ lục trong Q2, dự báo đạt 4780 tỷ đồng (+82% YoY), nhờ thị phần cao và liên tục tung ra các chương trình kích cầu và marketing hiệu quả, dẫn dắt tổng doanh thu tăng trưởng 75% YoY.</p> <p>- Nền thấp trong năm ngoài sẽ giúp công ty ghi nhận tăng trưởng doanh thu và LNST cao.</p>
	HAX	59	916%	-13%	-48%	-34%	<p>- Doanh thu tăng nhờ 1) Mercedes ra mắt nhiều mẫu xe mới với nhiều tính năng hiện đại trong tháng 4 và 5/2022, ví dụ dòng C-Class thế hệ mới, thúc đẩy nhu cầu mua xe; và 2) giá bán xe Mercedes tăng so với năm 2021 do nguyên liệu đầu vào tăng (ước tính khoảng +3% theo dòng C-Class mới ra mắt).</p> <p>- LNST tăng trưởng mạnh nhờ 1) nền thấp của Q2/2021; và 2) Giảm được chiết khấu do cung thiếu nhưng cầu tăng. Q2/2021 HAX bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, LNST ghi nhận chỉ 5,8 tỷ đồng.</p>
	FRT	140	365%	11%	-9%	37%	<p>- Doanh thu FPT shop dự phóng đạt 4650 tỷ đồng (+29% YoY), giảm 15% so với Q1 do nhu cầu laptop nhiều khả năng sẽ giảm nhẹ trong bối cảnh bình thường mới. Số lượng cửa hàng mở mới trong Q2 ước tính đạt 60 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng (đã bao gồm TT laptop) lên 730.</p> <p>- Doanh thu Long Châu dự phóng đạt 2,500 tỷ đồng (+231% YoY) nhờ số lượng cửa hàng cao hơn 2.5 lần cùng kỳ và doanh số TB mỗi cửa hàng ước tính là 1.4 tỷ đồng. LN Long Châu nhiều khả năng cao hơn Q1 do không còn trích chi phí thường lớn như trong Q1.</p>
Ngành thủy sản	ANV	350	1358%	0%	21%	59%	<p>- Đơn hàng xuất khẩu tăng mạnh nhờ thiếu hụt thực phẩm toàn cầu.</p> <p>- Biên lợi nhuận gộp mở rộng mạnh mẽ nhờ giá bán tăng trong khi giá nguyên liệu ít ảnh hưởng do tự chủ hoàn toàn nguyên liệu.</p>
	FMC	110	34%	-6%	-9%	17%	<p>- LN được thúc đẩy nhờ vận hành nhà máy mới cùng giá bán tôm cải thiện trong nửa đầu năm.</p> <p>- Thị trường Mỹ dẫn dắt tăng trưởng mạnh nhờ thiếu hụt nguồn cung cá thịt trắng toàn cầu.</p>
	VHC	700	168%	-9%	-1%	49%	<p>- Cả sản lượng và giá bán đều tăng mạnh.</p> <p>- Ít ảnh hưởng bởi giá cước do người mua chịu chi phí vận chuyển.</p>
Ngành logistics	GMD	201	42%	-7%	-11%	10%	<p>- Gemalink sẽ là động lực tăng trưởng chính trong lợi nhuận của GMD nhờ vào sản lượng tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ được củng cố bởi (1) Sự tăng trưởng ở khu vực Cái Mép Thị Vải, (2) Mở rộng tệp khách hàng và sản lượng hàng tăng trưởng từ đối tác CMA-CGM.</p>
	SCS	152	3,0%	-6%	0%	1%	<p>- Sản lượng hàng hóa XNK thông qua kho SCS đang có xu hướng bình thường hóa sau khi đạt kỷ lục trong thời gian giãn cách xã hội (Q4-2021) và đứt gãy chuỗi cung ứng đường biển (cuối Q1-2022). Thông lượng hàng quốc tế trong Q2-2022 dự báo đạt 45 nghìn tấn, tương đương cùng kỳ năm 2021.</p> <p>- Doanh thu và LN cũng chung xu hướng với sản lượng hàng quốc tế, đi ngang YoY.</p>
Ngành công nghệ	FPT	1.574	25%	-5%	-2%	12%	<p>- Khối công nghệ vẫn là đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng, với trợ lực từ thị trường quốc tế khi các nhu cầu về DX vẫn rất cao và đồng USD mạnh, mặc dù tỷ giá Yên Nhật và thị trường trong nước đang kim hãm phần nào tốc độ tăng trưởng.</p>

Ngành	CP	LNST (Tỷ VNĐ)	YoY %	Thay đổi giá 1 tháng	Thay đổi giá 3 tháng	Thay đổi giá YTD	Nhận định Q2/2022
							- Khối viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng ổn định
Ngành dệt may	TNG	79	30%	12%	-13%	4%	- Đơn hàng tăng mạnh sau khi mở rộng công suất - Biên gộp ít bị ảnh hưởng do FOB chỉ định bởi khách hàng.
Ngành điện	GEG	84	32%	8%	-2%	11%	- Lợi nhuận tăng trưởng nhờ vào 2 yếu tố (1) Đóng góp mới từ điện gió; (2) Thủy điện hưởng lợi từ mùa mưa đến sớm hơn kỳ vọng.
	HND	262	39%	-5%	-16%	-15%	- Sự tăng trưởng về lợi nhuận trong quý 2 được hỗ trợ bởi Giá trên thị trường phát điện cạnh tranh cao trong nửa đầu quý 2/2022
	NT2	154	526%	6%	6%	-2%	- Sự tăng trưởng về lợi nhuận trong quý 2 được hỗ trợ bởi hai yếu tố: (1) Sản lượng hợp đồng cao hơn cùng kỳ 47%, (2) Giá trên thị trường phát điện cạnh tranh cao trong nửa đầu quý 2/2022
	REE	539	30%	-5%	23%	45%	- Sự mở rộng danh mục năng lượng điện thêm các nhà máy điện gió sẽ thúc đẩy lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2022. - Ngoài ra, lợi nhuận mảng thủy điện tăng trưởng mạnh nhờ nhà máy Thượng Kon Tum, sự hỗ trợ La Nina và giá bán trên CGM cao trong nửa đầu quý 2.
Hàng tiêu dùng	MSN	1.386	75%	0%	-5%	-21%	- Tăng trưởng doanh thu ở mức một con số, chủ yếu được dẫn dắt bởi 1) Sự mở rộng chuỗi cửa hàng Winmart; và 2) Giá bán các sản phẩm Vonfram duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm 2021. - LNST tăng trưởng hai chữ số nhờ 1) Mức nền cơ sở thấp của Q2 21; và 2) Biên lợi nhuận MHT cải thiện trong bối cảnh giá Vonfram duy trì ở mức cao, góp phần cải thiện tổng biên lợi nhuận của MSN.
	VNM	2.411	-15%	1%	-11%	-15%	- Tăng trưởng doanh thu duy trì ở mức một con số, chủ yếu nhờ 1) giá bán bình quân tăng (+5% YTD); và 2) mức tăng trưởng hai chữ số từ CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu (Upcom: MCM) và Driftwood. - LNST tăng trưởng âm do 1) chi phí đầu vào tăng mạnh hơn tăng trưởng doanh thu vì VNM đã chốt giá bột sữa ở mức đỉnh trong tháng 3/2022; và 2) chi phí bán hàng & quản lý tăng để thúc đẩy các hoạt động marketing.
Ngành dược	IMP	53	8%	-12%	-19%	-22%	- Doanh thu giảm do đầu thầu vào kênh ETC của IMP tiếp tục giảm mạnh. Nhu cầu tiêu thụ thuốc nhóm 1 và 2 - dòng thuốc chính trong các đợt đầu thầu của IMP - ở kênh ETC giảm. - Lợi nhuận tăng trưởng dương nhờ IMP tập trung sản xuất và đẩy mạnh bán hàng các sản phẩm tự sản xuất có biên lợi nhuận cao, giúp cải thiện biên lợi nhuận so với năm 2021. Biên lợi nhuận ròng Q2/2022 kỳ vọng đạt 16.9%, cao hơn con số 15.5% của Q2/2021.
	DBD	54	-4%	N/A	N/A	N/A	- Tăng trưởng doanh thu đến từ 1) giá bán thuốc kênh OTC tăng chung với thị trường (khoảng 5%); 2) giá trị trúng thầu trung bình của DBD tăng 18% theo kết quả đấu thầu thuốc nhờ tỷ lệ trúng thầu 1H2022 nhóm 4 và 2 trong khi cùng kỳ 2021 có nhóm 5 (giá thuốc nhóm 5 rẻ hơn nhóm 4 và 2); và 3) số lượng điểm bán lẻ thuốc tiếp tục được mở rộng, dự tính mở thêm 1,300 điểm trong Q2/2022. DBD dự định vận hành khoảng 18,000-20,000 điểm bán lẻ thuốc trong năm 2022. Cuối năm 2021 là 13,717, 1Q2022 là hơn 15,000 điểm. - LNST giảm nhẹ do tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu tăng (2Q21: 19.6% vs 2Q22: 24%). Tỷ lệ này tăng là phù hợp với chiến lược mở rộng kênh OTC của DBD.
Ngành dầu khí	PVD	25	-42%	-28%	-42%	-33%	
	PVS	25	-86%	-22%	-31%	-12%	
	PVT	158	-34%	-6%	-21%	-16%	
Ngành phân bón, hóa chất, xăm lớp, nhựa	DRC	86	-20%	-7%	-20%	-13%	- Doanh thu giữ vững tăng trưởng hai chữ số nhờ 1) nhu cầu lớp xe ở Brazil và Mỹ tăng trưởng tốt hỗ trợ cho doanh thu xuất khẩu; 2) tiếp tục hưởng lợi từ chính sách thuế chống bán phá giá 0% của Brazil có hiệu lực giai đoạn 2021-26 (đối thủ cạnh tranh như Hàn Quốc và Trung Quốc phải chịu thuế cao hơn);

Ngành	CP	LNST (Tỷ VNĐ)	YoY %	Thay đổi giá 1 tháng	Thay đổi giá 3 tháng	Thay đổi giá YTD	Nhận định Q2/2022
							và 3) lấy thêm khách hàng do Trung Quốc lockdown. - LNST tăng trưởng âm do 1) nền cơ sở cao của Q2/2021 và 2) Giá đầu vào, bao gồm giá cao su tổng hợp và giá than, tăng mạnh.
	DPM	1.094	58%	-14%	-24%	5%	
	BMP	166	295%	-4%	-4%	1%	Giá bán cao hơn trong khi giá bột nhựa thấp hơn cùng kỳ.
Ngành thép	HPG	4.957	-49%	-15%	-35%	-36%	Giá than, quặng tăng mạnh nhưng giá bán không tăng tương ứng. Giá thép xây dựng và giá HRC liên tục giảm trong Q2.
	NKG	408	-52%	-26%	-53%	-43%	Sản lượng xuất khẩu duy trì khá trong khi tiêu thụ nội địa thấp do nhu cầu yếu. Giá HRC tăng mạnh hơn giá bán.
	HSG	626	-63%	-29%	-54%	-57%	Sản lượng tiêu thụ yếu ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Giá HRC tăng mạnh hơn giá bán.
BDS khu công nghiệp	LHG	140	-36%	-3%	-39%	-34%	
	DPR	28	-16%	N/A	N/A	N/A	
	PHR	200	162%	-2%	-20%	-9%	
BDS dân dụng	HDG	1.401	1426%	10%	-19%	-14%	- Doanh thu và LNST tăng trưởng mạnh trong Q2/2022 nhờ (1) bàn giao đợt 2 dự án Charm Villas. Bên cạnh (2) mảng năng lượng vẫn đạt được sự tăng trưởng tốt so với nền cơ sở thấp cùng kỳ 2021 sau khi hai dự án Đăkmi 2 (hoạt động từ 09/2021) và 7A (hoạt động từ 08/2021 tổ máy 1-2, tổ máy 3 hoạt động từ 02/2022) bắt đầu hoạt động từ giữa Q3/2021.
	NLG	28	-42%	-25%	-36%	-44%	- Do việc chuyển nhượng dự án Paragon Đại Phước đã diễn ra chậm hơn so với kế hoạch ban đầu trong Q2/2022, hoạt động bàn giao 262 sản phẩm còn lại dự án Akari – GĐ1, với giá trị ước tính khoảng 600 tỷ đồng, sẽ là nguồn doanh thu và LNST sẽ được ghi nhận chủ yếu trong Q2/2022. Vì vậy, khả năng KQKD của Công ty trong BCTC quý tới đây dự báo vẫn chưa có nhiều khởi sắc so với Q1/2022. - Biên lợi nhuận gộp cũng kỳ vọng giảm so với Q1/2022 do dự án Akari có biên lợi nhuận thấp hơn so với dự án Southgate được bàn giao trong quý trước.

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Hình 11: Tăng trưởng LNST ước tính theo ngành*



Nguồn: CTCK Rồng Việt, * bao gồm các cổ phiếu thuộc bảng 4



Đánh giá danh mục đầu tư mô hình

Bảng 9: Lợi nhuận của các danh mục đầu tư mô hình

Lợi nhuận hàng tháng	Tạo lập	Tháng 1/2022	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022	Tháng 4/2022	Tháng 5/2022	Tháng 6/2022
VN Index	0,0%	-1,3%	1,3%	-0,4%	-8,4%	-5,4%	-7,4%
Phục hồi kinh tế	0,0%	0,7%	4,8%	6,3%	0,4%	-4,1%	-3,8%
Chính sách hỗ trợ	0,0%	-3,5%	7,2%	3,6%	-9,7%	-0,2%	-9,0%
Thay đổi hành vi	0,0%	-5,5%	2,5%	5,7%	-2,9%	0,9%	-2,5%

Lợi nhuận YTD	Tạo lập	Tháng 1/2022	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022	Tháng 4/2022	Tháng 5/2022	Tháng 6/2022
VN Index	0,0%	-1,3%	0,0%	-0,4%	-8,8%	-13,7%	-20,1%
Phục hồi kinh tế	0,0%	0,7%	5,6%	12,2%	12,7%	8,1%	4,0%
Chính sách hỗ trợ	0,0%	-3,5%	3,5%	7,2%	-3,0%	-3,2%	-11,9%
Thay đổi hành vi	0,0%	-5,5%	-3,2%	2,3%	-0,4%	0,5%	-2,0%

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 10: Tỷ trọng ngành của các mô hình danh mục và hiệu suất YTD so với VN Index

Phục hồi kinh tế (Danh mục 1)		Chính sách hỗ trợ (Danh mục 2)		Thay đổi hành vi (Danh mục 3)		Hiệu suất YTD so với VN Index			
Cổ phiếu	Lợi nhuận YTD	Cổ phiếu	Lợi nhuận YTD	Cổ phiếu	Lợi nhuận YTD	Phục hồi Kinh tế	Chính sách hỗ trợ	Thay đổi hành vi	VN Index
VHC	48,9%	REE	45,6%	FPT	12,4%	4,0%			
PNJ	35,3%	FPT	12,4%	MWG	6,0%		-11,9%		
FMC	17,6%	ACV	-4,9%	QNS	-5,5%			-2,0%	
GMD	9,9%	PHR	-8,8%	MSN	-21,4%				-20,1%
MWG	6,0%	HDG	-13,7%	Tổng	-2,0%				
SCS	1,1%	KDH	-23,7%						
BMP	0,7%	HPG	-31,9%						
MSH	-3,1%	LHG	-35,8%						
STK	-7,1%	NLG	-43,0%						
ACB	-13,0%	Tổng	-11,9%						
MBB	-16,3%								
TCB	-28,9%								
Tổng	4,0%								

Ngành	Tỷ trọng
Vật liệu	7%
Tài chính	19%
Công nghiệp	23%
Tiêu dùng	46%

Ngành	Tỷ trọng
Vật liệu	8%
Công nghiệp	10%
Công nghệ	15%
Tiện ích	18%
Bất động sản	47%

Ngành	Tỷ trọng
Công nghệ	28%
Tiêu dùng	69%

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt, dữ liệu ngày 30/6/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @30/6/2022 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
LHG	HOSE	72	62.300	32.800	96%	Mua	21,5	48,5	17,4	26,4	8,1	10,5	4,7	4,2	1,1	5,8	-20,3	1.694,2	32,4
TCB	HOSE	5.443	67.700	35.550	90%	Mua	37,1	46,4	24,9	25,7	22,3	24,5	5,5	4,4	1,3	0,0	-32,5	15.846,5	0,0
HPG	HOSE	5.655	40.000	22.300	79%	Mua	66,1	156,6	7,1	-17,2	13,9	8,9	4,8	4,4	1,3	0,0	-42,8	33.008,0	28,3
NLG	HOSE	598	62.100	35.800	78%	Mua	134,8	28,3	-2,7	-0,1	45,8	48,8	12,8	8,6	1,6	4,2	3,8	6.318,3	11,2
MBB	HOSE	3.988	42.800	24.200	77%	Mua	35,0	53,7	21,2	32,2	18,4	23,9	5,2	4,2	1,4	0,0	-24,6	13.892,4	0,0
OCB	HOSE	1.004	28.600	16.800	70%	Mua	11,3	24,6	28,1	32,9	18,5	19,4	4,0	3,5	1,0	0,0	-31,6	2.268,4	0,3
VPB	HOSE	5.622	46.200	29.000	59%	Mua	13,5	13,4	16,6	27,9	26,6	33,6	8,9	7,4	1,5	0,0	-22,9	23.476,6	0,0
PVT	HOSE	285	30.500	20.200	53%	Mua	-0,2	-0,5	15,0	33,3	-3,9	-10,0	7,8	8,8	1,2	2,5	-0,1	3.452,2	36,3
CTG	HOSE	5.481	39.900	26.150	53%	Mua	17,4	3,0	18,0	47,6	12,2	11,8	8,6	7,7	1,3	0,0	-34,4	5.817,8	3,5
KDH	HOSE	1.091	58.900	38.900	51%	Mua	-17,4	4,3	-0,8	14,5	18,7	14,6	17,0	14,8	2,4	0,0	3,6	2.478,0	16,8
HND	UPCOM	355	23.300	16.268	46%	Mua	-16,9	-69,5	12,7	87,8	6,6	38,0	10,4	7,5	1,3	2,5	-9,2	38,1	49,0
DRC	HOSE	141	37.000	27.200	43%	Mua	20,1	13,4	11,5	27,9	9,9	12,1	9,7	8,6	1,8	6,6	-5,0	1.439,8	39,3
ACB	HNX	3.535	33.600	24.000	40%	Mua	29,7	25,0	17,5	28,4	18,6	21,5	6,7	5,5	1,7	0,0	-16,0	5.252,5	0,0
QNS	UPCOM	705	59.000	45.315	37%	Mua	13,0	17,9	18,0	19,5	13,6	21,0	9,3	7,7	2,3	6,6	18,7	699,1	30,2
MSN	HOSE	6.954	152.100	112.000	36%	Mua	14,8	593,9	3,4	-27,2	12,9	67,5	21,2	12,7	5,8	0,0	21,9	7.935,7	20,2
BFC	HOSE	58	29.300	23.100	35%	Mua	42,2	64,5	26,6	27,9	-18,4	-29,9	5,2	7,5	1,2	8,7	-13,8	951,0	45,6
STK	HOSE	152	67.500	51.200	35%	Mua	15,7	94,2	30,2	29,3	41,0	28,3	11,9	9,3	2,6	2,9	36,5	126,3	87,2
HDB	HOSE	2.106	32.000	24.000	33%	Mua	21,6	42,5	29,7	33,7	30,0	39,9	6,1	4,4	1,6	0,0	-15,5	5.706,7	4,6
IMP	HOSE	173	79.000	59.500	33%	Mua	-7,5	-9,8	18,6	18,5	35,0	44,6	19,4	13,4	2,1	0,0	-23,7	15,9	0,1
FPT	HOSE	4.124	110.300	86.200	30%	Mua	19,5	22,5	23,5	39,5	20,9	23,2	15,7	12,7	4,9	2,3	19,9	17.360,5	0,0
VCB	HOSE	15.438	96.900	74.800	30%	Mua	15,7	18,8	14,0	34,4	18,3	11,6	12,9	11,5	3,0	0,0	-17,0	5.716,1	6,5
MSH	HOSE	167	60.000	51.100	26%	Mua	24,5	90,8	16,0	17,3	9,8	20,6	5,5	4,5	2,5	8,8	31,8	514,8	41,5
ACV	UPCOM	7.577	100.400	79.806	26%	Mua	-38,4	-90,8	100,4	187,8	72,4	152,1	72,7	28,9	4,5	0,0	6,0	278,6	45,2
VHC	HOSE	748	114.600	93.500	25%	Mua	28,7	56,2	61,1	96,1	-2,0	919,8	8,1	7,9	2,7	2,1	111,8	8.015,5	73,0
HDG	HOSE	502	69.310	56.500	24%	Mua	-23,2	11,3	11,2	42,4	47,0	26,2	7,2	5,7	2,5	1,8	57,4	3.656,1	37,3
BID	HOSE	7.390	41.000	33.500	23%	Mua	24,7	48,1	12,5	54,1	9,5	14,1	13,0	12,2	2,0	0,3	-10,4	2.612,6	13,1
FMC	HOSE	168	69.500	58.800	22%	Mua	17,8	18,1	26,0	34,9	14,0	24,4	10,6	8,5	2,2	4,3	65,1	514,6	17,5
NT2	HOSE	311	29.200	24.800	22%	Mua	1,1	-14,6	29,2	21,7	12,7	11,5	11,3	10,1	1,6	4,0	32,5	1.869,7	35,3
KBC	HOSE	1.095	39.600	32.700	21%	Mua	100,0	249,9	202,6	591,5	59,9	71,4	3,5	2,1	1,7	0,0	13,5	7.863,5	29,6
VNM	HOSE	6.581	83.500	72.200	21%	Mua	2,2	-5,1	6,9	-2,4	7,0	4,1	16,3	15,7	4,7	5,3	-17,4	8.301,8	45,6
SCS	HOSE	351	188.200	158.700	21%	Mua	21,1	21,6	18,6	22,9	15,0	17,0	12,2	10,4	5,6	2,3	17,5	131,6	21,9
DPR	HOSE	135	82.600	71.800	19%	Tích lũy	6,7	152,0	2,0	-18,8	20,6	26,7	13,5	10,6	1,4	4,2	24,1	1.823,9	-3,6
PHR	HOSE	384	74.400	65.000	19%	Tích lũy	19,0	-49,8	15,0	154,4	25,0	-49,6	8,9	17,6	2,7	4,6	22,5	2.237,5	34,8
BMP	HOSE	206	65.900	57.700	17%	Tích lũy	-2,8	-59,0	17,1	105,3	4,0	6,8	11,8	11,0	2,0	2,3	1,8	125,8	14,4
FRT	HOSE	471	103.500	91.200	15%	Tích lũy	53,4	1.695,1	27,6	38,2	23,2	34,5	17,6	13,1	5,9	1,1	406,7	6.736,6	30,3
MWG	HOSE	4.564	79.600	71.500	13%	Tích lũy	13,3	25,0	17,8	25,6	22,4	57,0	17,1	11,0	4,8	2,1	42,5	16.523,5	0,1
GMD	HOSE	683	55.700	52.000	9%	Tích lũy	23,1	65,4	1,9	14,6	4,2	7,5	22,7	21,1	2,4	2,3	24,0	7.212,3	3,4
PNJ	HOSE	1.358	138.600	128.500	9%	Tích lũy	12,0	-3,4	44,0	61,1	11,3	9,5	18,8	18,6	3,9	1,6	30,6	6.639,8	0,0
PPC	HOSE	245	19.000	17.500	9%	Tích lũy	-51,0	-71,5	66,4	83,2	27,8	92,8	11,2	5,8	1,1	0,0	-22,1	111,2	35,6
REE	HOSE	1.336	90.700	86.200	5%	Tích lũy	3,0	13,9	34,2	22,7	11,0	5,0	13,5	12,8	2,2	0,0	73,8	5.244,4	0,0
GEG	HOSE	344	25.300	24.500	3%	Trung lập	-7,5	9,4	53,2	8,5	2,5	21,8	24,9	20,4	2,2	0,0	63,3	1.950,1	14,4

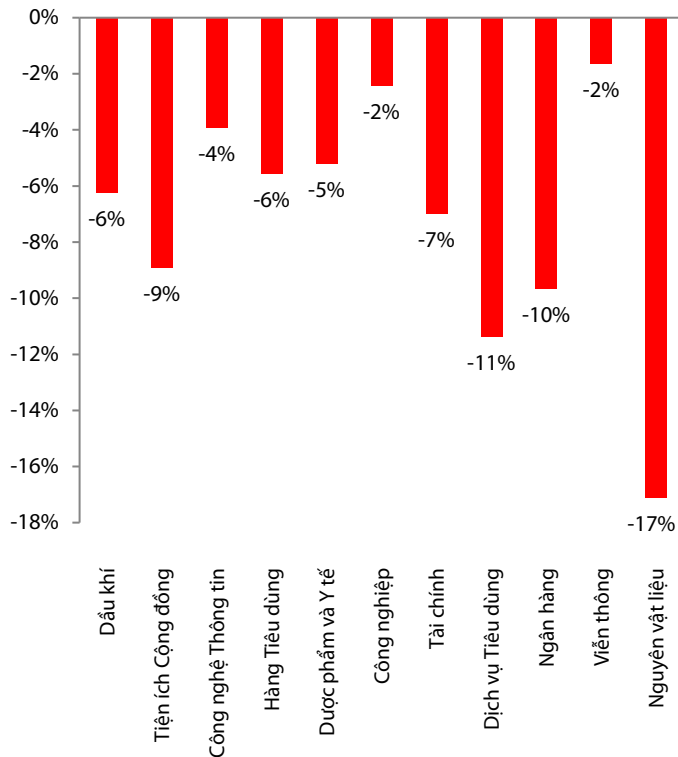


Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @30/6/2022 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGD BQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
ANV	HOSE	294	53.000	53.000	2%	Trung lập	1,6	-36,7	47,9	421,7	3,9	6,4	10,0	9,4	2,7	1,9	59,3	3.983,4	46,3
PVD	HOSE	366	16.500	16.600	-1%	Trung lập	-23,7	-89,6	37,9	773,0	4,0	48,8	42,0	28,3	0,6	0,0	-9,5	7.605,9	44,5
PVS	HNX	498	22.700	23.900	-2%	Trung lập	-29,5	-3,5	7,8	29,7	-18,2	-9,3	16,3	17,9	1,0	2,9	-13,9	13.639,8	40,1
DPM	HOSE	870	44.700	51.000	-3%	Trung lập	64,7	349,6	30,4	40,1	-21,6	-45,0	4,6	8,3	1,6	9,8	126,4	15.193,9	32,3
PGI	HOSE	131	24.800	27.000	-5%	Giảm	1,3	101,2	2,7	-28,7	14,0	19,1	11,8	9,3	1,6	3,0	61,6	31,6	79,4
TCM	HOSE	166	43.000	46.500	-6%	Giảm	1,9	-48,2	12,0	66,3	9,8	28,3	15,6	12,1	2,2	1,1	-40,7	2.306,7	2,7
HAH	HOSE	216	64.800	72.500	-9%	Giảm	64,1	222,1	23,2	56,3	10,2	2,8	7,7	7,6	3,0	1,4	236,2	6.974,3	27,9
PC1	HOSE	405	35.500	39.500	-10%	Giảm	47,4	36,8	-29,4	-30,4	16,9	14,2	21,4	18,8	1,9	0,0	78,9	3.789,9	45,2
VSC	HOSE	220	36.300	41.650	-10%	Giảm	12,0	45,7	4,2	19,1	0,7	1,4	12,4	12,2	1,8	2,4	35,3	2.477,4	43,3
HAX	HOSE	42	Cập nhật	19.400	Cập nhật	Cập nhật	-0,3	28,2	-9,0	-25,7	10,1	8,3	7,8	7,2	1,3	7,7	-17,1	733,7	34,8
SMC	HOSE	58	Cập nhật	18.100	Cập nhật	Cập nhật	35,4	191,3	6,0	-40,3	3,2	0,2	2,1	2,1	0,5	5,5	-44,2	282,7	28,3
DBD	HOSE	135	Cập nhật	41.400	Cập nhật	Cập nhật	24,0	19,8	20,0	41,3	8,6	6,0	9,7	9,2	2,6	0,0	23,7	589,2	93,5

Nguồn: CTCK Rồng Việt; dữ liệu tại ngày 30/06/2022

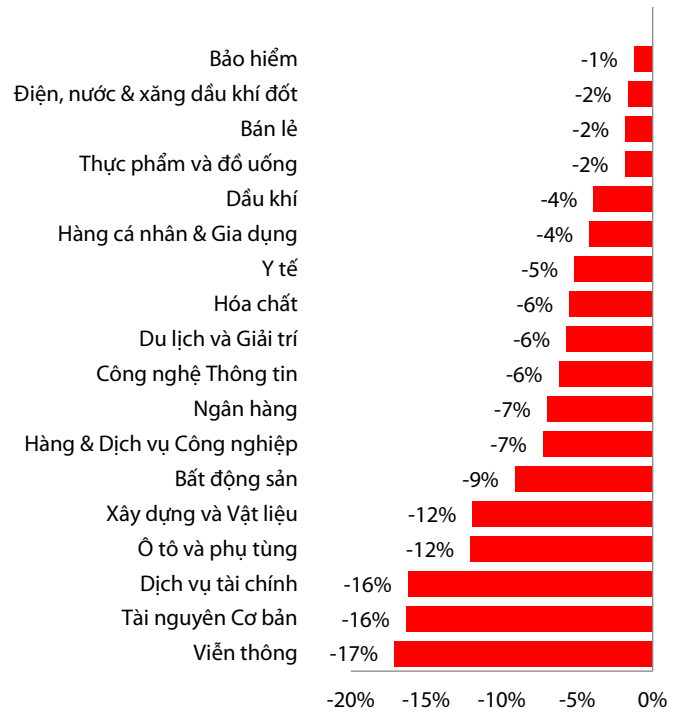
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



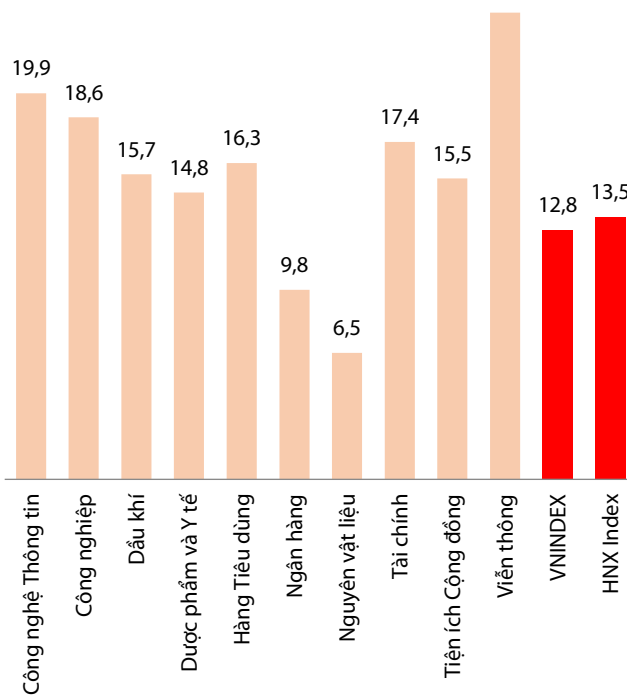
Nguồn: Fiipro, CTCK Rồng Việt

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



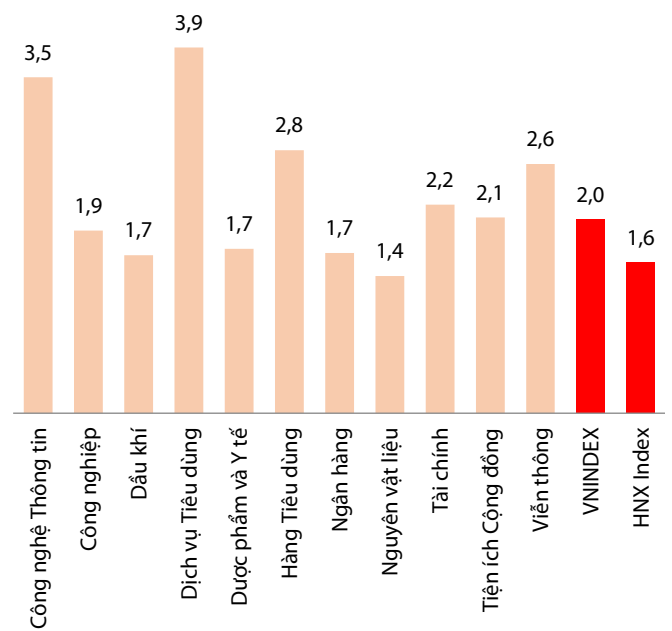
Nguồn: Fiipro, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



Nguồn: Fiipro, CTCK Rồng Việt. Loại trừ dữ liệu ngành Dịch vụ Tiêu dùng

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Fiipro, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam
Head of Research

lam.ntp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1313)

- Thị trường
- BĐS Khu công nghiệp

Trần Hà Xuân Vũ
Senior Manager

vu.thx@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1512)

- Dầu khí
- Phân bón

Phạm Thị Tố Tâm
Manager

tam.ptt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)

- Ngân hàng
- Bảo hiểm

Đỗ Thanh Tùng
Manager

tung.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1521)

- Bán lẻ
- Hàng không
- Logistics
- Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An
Senior Analyst

an.ntn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1541)

- Thực phẩm & Đồ uống
- Ô tô & Phụ tùng

Trần Kỳ Anh
Senior Analyst

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1544)

- Thị trường
- Bất động sản
- Xây dựng

Nguyễn Hồng Loan
Analyst

loan.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1531)

- Dệt may
- Thủy sản
- Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Ngọc Thành
Analyst

thanh.nn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1535)

- Ngân hàng
- Bảo hiểm
- Chứng khoán

Nguyễn Ngọc Thảo
Analyst

thao.nn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)

- Tiện ích công cộng
- Cảng biển
- Logistics

Trần Thị Ngọc Hà
Assistant

ha.ttn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)

Lê Tự Quốc Hưng
Analyst

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1546)

- Thị trường
- Bất động sản KCN

Bernard Lapointe
Senior Consultant

bernard.lapointe@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Hà My
Senior Consultant

my.tth@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

- Kinh tế vĩ mô

Cao Ngọc Quân
Analyst

quan.cn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (2223)

- Công nghệ thông tin

Trần Ngọc Thảo Trang
Assistant

trang.tnt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1522)



CTCP CHỨNG KHOÁN RÔNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon,

141 Nguyễn Du - Quận 1 - TP.HCM

Tel: (84 28) 6299 2006

Fax: (84 28) 6291 7986

Email: info@vdsc.com.vn

Website: www.vdsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, Số 2
Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự -
Quận Đống Đa - TP. Hà Nội

Tel: (84 24) 6288 2006

Fax: (84 24) 6288 2008

Chi nhánh Cần Thơ

95-97-99 Võ Văn Tần - Quận
Ninh Kiều - TP. Cần Thơ

Tel: (84 292) 381 7578

Fax: (84 292) 381 8387

Chi nhánh Nha Trang

Tầng 7, Số 76 Quang Trung - phường Lộc Thọ - TP. Nha Trang -
tỉnh Khánh Hòa

Tel: (84 258) 382 0006

Fax: (84 258) 382 0008

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RÔNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RÔNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RÔNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RÔNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RÔNG VIỆT, 2022.

